

Bản án số: 02/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 06/01/2026

V/v “Ly hôn, nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – QUẢNG TRỊ

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Đức Cảnh

Hội thẩm nhân dân:

Ông Trương Ngọc Nhân

Bà Cao Thị Thu Nga

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Đinh Bá Thi - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 – Quảng Trị.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Quảng Trị tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hoa Huệ - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 01 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 – Quảng Trị xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 71/2025/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2025 về việc “Ly hôn, nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Anh Cao Xuân H, sinh ngày 10/8/1983; căn cước công dân: 044083004268; địa chỉ: thôn L, xã K, tỉnh Quảng Trị; có mặt.

2. **Bị đơn:** Chị Trương Thị Huyền T, sinh ngày 23/3/1987; căn cước công dân: 044187007134; địa chỉ: thôn L, xã K, tỉnh Quảng Trị; vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Cao Xuân H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Cao Xuân H và chị Trương Thị Huyền T do tự tìm hiểu nên tự nguyện tiến chung sống như vợ chồng từ năm 2007 rồi đến năm 2015 mới tiến hành đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện M, tỉnh Quảng Trị (nay là xã K, tỉnh Quảng Trị). Anh cho biết lý do của việc thực hiện đăng ký kết hôn muộn là do anh chị đi làm, hạn chế về hiểu biết pháp luật. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được

một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn và đã sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay. Lý do mâu thuẫn là do không có tình cảm, hay xảy ra cự cãi. Do đó, anh H yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị T.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Cao Thị Trương G, sinh ngày 07/10/2007 và Cao Duy M, sinh ngày 20/02/2011. Hiện nay, các con chung đang sống với anh H. Khi ly hôn, anh H yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Cao Duy M. Đối với cháu Cao Thị Trương G đã thành tiên, tự đi làm nuôi sống bản thân nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Trương Thị Huyền T vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến.

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn anh Cao Xuân H xin giữ nguyên toàn bộ yêu cầu khởi kiện như đã trình bày trong quá trình giải quyết vụ án. Đề nghị Tòa án giải quyết theo yêu cầu khởi kiện của anh H.

- Bị đơn vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn sơ thẩm: Người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã làm đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử, căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình, các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Cao Xuân H. Về quan hệ hôn nhân: anh H được ly hôn với chị T; về con chung: anh H được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Cao Duy M, sinh ngày 20/02/2011; về tài sản chung và nợ chung: không có nên không xem xét giải quyết; về án phí: anh H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn, Giấy khai sinh con chung, chị Trương Thị Huyền T có nơi cư trú tại thôn L, xã K, tỉnh Quảng Trị (trước đây là xã T, huyện M, tỉnh Quảng Bình). Đồng thời, tại biên bản xác minh ngày 11/11/2025 xác định, chị Trương Thị Huyền T, sinh ngày 23/3/1987, số định danh cá nhân: 044187007134 có địa chỉ đăng ký thường trú tại thôn L, xã K, tỉnh Quảng Trị, hiện tại chị T vắng mặt tại địa phương. Căn cứ vào Điều 11 Luật

Cư trú và khoản 3 Điều 5 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Hội đồng xét xử xác định nơi cư trú cuối cùng của chị Trương Thị Huyền T tại thôn L, xã K, tỉnh Quảng Trị để giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[1.2] Anh Cao Xuân H khởi kiện yêu cầu được ly hôn với chị Trương Thị Huyền T là tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Chị T có nơi cư trú tại thôn L, xã K, tỉnh Quảng Trị nên Tòa án nhân dân khu vực 2 – Quảng Trị thụ lý giải quyết theo đúng quy định tại quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Đối với chị Cao Thị Huyền T1 đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật để tham gia tố tụng trong vụ án nhưng vắng mặt không có lý do trong quá trình tố tụng tại Tòa án. Tại phiên tòa, chị Trương Thị Huyền T đã được triệu tập họp lệ lần thứ 02 để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Trương Thị Huyền T.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Cao Xuân H cho rằng, anh và chị Trương Thị Huyền T do quen biết nên tự nguyện tiến đến chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2007, mãi đến năm 2015 mới tiến hành đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã T (nay là xã K), tỉnh Quảng Trị. Vợ chồng chung sống với nhau được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, hai vợ chồng cứ kéo dài mâu thuẫn đến năm 2019 thì sống ly thân, không ai quan tâm đến cuộc sống của ai, chị T không quan tâm đến các con và gia đình. Bản thân anh cho rằng, vợ chồng không thể hàn gắn được tình cảm. Nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài nên anh Cao Xuân H yêu cầu được ly hôn với chị Trương Thị Huyền T.

Chị Trương Thị Huyền T đã được tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng không có ý kiến phản đối yêu khởi kiện của anh Cao Xuân H.

Xét thấy, anh Cao Xuân H và chị Trương Thị Huyền T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình, là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Chị Trương Thị Huyền T đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng không có ý kiến phản đối yêu cầu khởi kiện của anh Cao Xuân H theo quy định tại Điều 91 và Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải, hàn gắn tình cảm vợ chồng cho anh H và chị T theo quy định của pháp luật nhưng chị T vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng tại Tòa án nên không hòa giải được, thể hiện chị T không còn thiện chí níu kéo quan hệ hôn nhân giữa anh H và chị T nên lời trình bày của anh H về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn và tình trạng hôn nhân giữa anh H và chị T đã lâm vào tình trạng trầm trọng là có cơ sở chấp

nhận. Do đó, có căn cứ để xác định hôn nhân giữa anh Cao Xuân H và chị Trương Thị Huyền T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, việc anh Cao Xuân H yêu cầu ly hôn chị Trương Thị Huyền T phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[2.2] Về quan hệ con chung: Anh Cao Xuân H trình bày, vợ chồng anh có 02 con chung tên Cao Thị Trương G, sinh ngày 07/10/2007 và Cao Duy M, sinh ngày 20/02/2011. Khi ly hôn, anh yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Cao Duy M, đối với cháu Cao Thị Trương G đã thành niên và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, việc giao con chung là người chưa thành niên cho người chăm sóc, nuôi dưỡng khi anh H và chị T ly hôn phải đảm bảo điều kiện phát triển tốt nhất cho con cả về vật chất lẫn tinh thần. Căn cứ lời trình bày của anh H, cháu Cao Duy M hiện nay đang sống với anh H; quá trình chúng sống với anh H, con chung phát triển tốt, đồng thời cháu M có nguyện vọng sống với anh H. Để ổn định cuộc sống của cháu Cao Duy M, giúp cháu phát triển tốt nhất về thể chất lẫn tinh thần, Hội đồng xét xử xét thấy giao cháu M cho anh H chăm sóc, nuôi dưỡng khi anh H và chị T ly hôn là phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Cao Xuân H là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung khi ly hôn nên chị Trương Thị Huyền T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình nhưng do anh Cao Xuân H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét. Trường hợp sau này có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng một vụ án dân sự khác.

[2.3] Đối với quan hệ tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét. Trường hợp sau này có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng một vụ án dân sự khác.

[3] Về án phí: Anh Cao Xuân H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

[4] Xét ý kiến về việc giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát: Xét thấy ý kiến của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Cao Xuân H.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Cao Xuân H với chị Trương Thị Huyền T.

1.2. Về quan hệ con chung: Giao con chung là Cao Duy M, sinh ngày 20/02/2011 cho anh Cao Xuân H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh H không yêu cầu chị T đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của đương sự tạm thời không yêu cầu cấp dưỡng.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con.

Khi cần thiết, trên cơ sở lợi ích của con thì cha, mẹ trực tiếp nuôi con, cha, mẹ không trực tiếp nuôi con, cơ quan, tổ chức và cá nhân có thẩm quyền có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

1.3. Về quan hệ tài sản chung: Không có nên không xét.

1.4. Về nợ chung: Không có nên không xét.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Cao Xuân H phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo biên lai số 0000700 ngày 10/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật Thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, và 9 Luật Thi

hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND khu vực 2 – Quảng Trị;
- Phòng Thi hành án dân sự KV 2 - Quảng Trị;
- Đương sự;
- UBND xã Kim Phú, tỉnh Quảng Trị;
- Văn phòng TAND KV2 – Quảng Trị;
- Công an xã Kim Phú (nơi đương sự cư trú);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Đinh Đức Cảnh